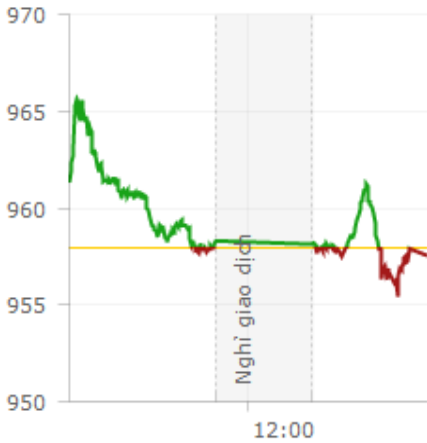


**Vn-index: 0.41 điểm (0.04%)**



**Hnx-index: 0.41 điểm (0.39%)**



**Upcom-index: 0.19 điểm (0.34%)**



## Phân Hóa & Giảm Co Khiến 2 Sàn Đóng Cửa Trái Chiều

**Tổng hợp:** (Phiên giao dịch ngày 07/05/2019). Sau phiên giảm mạnh hôm qua, sắc xanh đã mạnh nha quay trở lại trên thị trường, nhưng chưa có sự đồng thuận trên 2 chỉ số khi kết phiên. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 0,41 điểm (-0,41%) xuống còn 957,56 điểm với khối lượng giao dịch đạt 145,34 triệu CP, trị giá 3.355 tỷ đồng; HNX-Index tăng 0,41 điểm (0,39%) lên 105,83 điểm với khối lượng giao dịch đạt 50,1 triệu CP, trị giá 561,13 tỷ đồng.

**Thanh khoản:** Thanh khoản phiên hôm nay giảm nhẹ về khối lượng nhưng lại tăng nhẹ về giá trị giao dịch. Tổng khối lượng giao dịch trên 2 sàn đạt 195,44 triệu CP, trị giá 3.916,16 tỷ đồng, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 46 triệu CP, trị giá 1.159,8 tỷ đồng. Đáng chú ý có giao dịch thỏa thuận của 20,4 triệu CP NVB trị giá 183,64 tỷ đồng; 1,37 triệu CP MSN trị giá 120,4 tỷ đồng; 2,24 triệu CP FPT trị giá 116,57 tỷ đồng; 1 triệu CP VJC trị giá 116,5 tỷ đồng; 2,93 triệu CP GEX trị giá 65,7 tỷ đồng; 2 triệu CP ROS trị giá 62 tỷ đồng; 197,14 nghìn CP SAB trị giá 47,6 tỷ đồng; 1,15 triệu CP VRE trị giá 40,8 tỷ đồng ...

**Điểm nhấn:** Thị trường bật tăng ngay khi mở cửa sau phiên giảm rất mạnh hôm qua, nhưng dường như sắc xanh của thị trường chỉ là nhịp phục hồi kỹ thuật để bên bán tận dụng thời cơ mà thoát hàng. Vì vậy về cuối phiên, trước áp lực bán còn mạnh, chỉ số Vn-index đã không thể giữ nổi sắc xanh, đành phải đóng cửa trong sắc đỏ nhẹ. Xu hướng giảm có và phân hóa đã chiếm trọn phần chính trong phiên giao dịch buổi chiều. Trong đó, ở chiều giảm giá, nổi bật nhất với 2 mã VHM và VCB, giảm khá sâu đã gây áp lực lớn lên thị trường chung. VHM giảm 1,2% xuống 87.900 đồng/cp. VCB giảm 1,1% xuống 65.600 đồng/cp. Bên cạnh đó, thị trường còn ghi nhận sự sụt giảm mạnh của các cổ phiếu như HDB, VCI, NVL... Trong đó, VCI giảm đến 5,4% xuống 31.500 đồng/cp. HDB giảm 4,4% xuống 26.100 đồng/cp.

Ở chiều hướng tích cực, sắc xanh vẫn được duy trì khá tốt trên nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn khác như BVH, SAB, KDC, MSN, VGC, FPT... nên giao dịch của thị trường chung vẫn còn tương đối cân bằng. Ấn tượng nhất là BVH sau chuỗi phiên giảm sâu gần đây thì hôm nay đã hồi phục khá tốt, đóng cửa tăng 4.100 đồng lên 77.000 đồng, mức cao nhất phiên. Bên cạnh đó, còn là sự tăng giá trở lại của nhóm dầu khí với nhiều mã bút phá tăng mạnh như GAS, PVS, PVD, PVT, PXS... Trên TTCK Phái sinh, HĐTL F1905 đóng cửa tăng 7,1 điểm lên 737,7 điểm, chỉ còn thấp hơn VN30 Index 3,32 điểm cho thấy tâm lý giới đầu tư đã phần nào đỡ bi quan hơn so với phiên trước đó.

**Khôi ngoại:** Sau 4 phiên mua ròng liên tiếp, thì trong phiên hôm nay khối ngoại đã quay lại bán ròng khá mạnh trên cả 2 sàn. Cụ thể, trên sàn HSX, khối ngoại giao dịch trị giá 1.613,38 tỷ với giá trị bán ròng đạt 155,14 tỷ đồng. Trên sàn HNX, họ giao dịch trị giá 82,42 tỷ với giá trị bán ròng đạt 55,82 tỷ

## Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy  
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh  
Xu thế dài hạn: Tăng

## Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy  
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh  
Xu thế dài hạn: Tăng

### Vn-index: Biểu đồ 6 Tháng



### Hnx-index: Biểu đồ 6 Tháng



đồng. Tính chung trong phiên hôm nay khối bán ròng với giá trị đạt 210,96 tỷ đồng trên 2 sàn.

**Nhóm ngành:** Thị trường có sự phục hồi nhẹ trong phiên giao dịch ngày hôm nay, giúp sắc xanh quay trở lại trên nhóm ngành với ưu thế chiếm nhiều hơn. Cụ thể, 10/18 nhóm ngành xanh điểm, tăng mạnh nhất thuộc về nhóm bảo hiểm với 4,18%, theo sau đó là nhóm CNTT tăng 1,52%, nhóm dầu khí và khoáng sản tăng lần lượt là 0,82% và 0,78%, còn lại các nhóm ngành khác tăng không đáng kể. Ở chiều đỏ điểm, nhóm ô tô giảm (-0,75%), nhóm ngân hàng giảm (-0,63%)...

**Nhóm CP vốn hóa lớn:** Có sự phân hóa rõ nét, Top 10 mã vốn hóa lớn nhất có 5 mã tăng, 4 mã giảm và BID đứng giá. Các mã tăng giảm cũng chỉ trên dưới 1%, trong đó giảm mạnh nhất là VHM giảm 1,24% xuống 87.900 đồng, VCB giảm 1,06% xuống 65.600 đồng, còn tăng mạnh nhất là MSN cũng chỉ là 1,03%. Thanh khoản các mã này cũng không cao, chỉ có 3 mã có tổng khớp trên 1 triệu đơn vị là VCB, VRE, TCB.

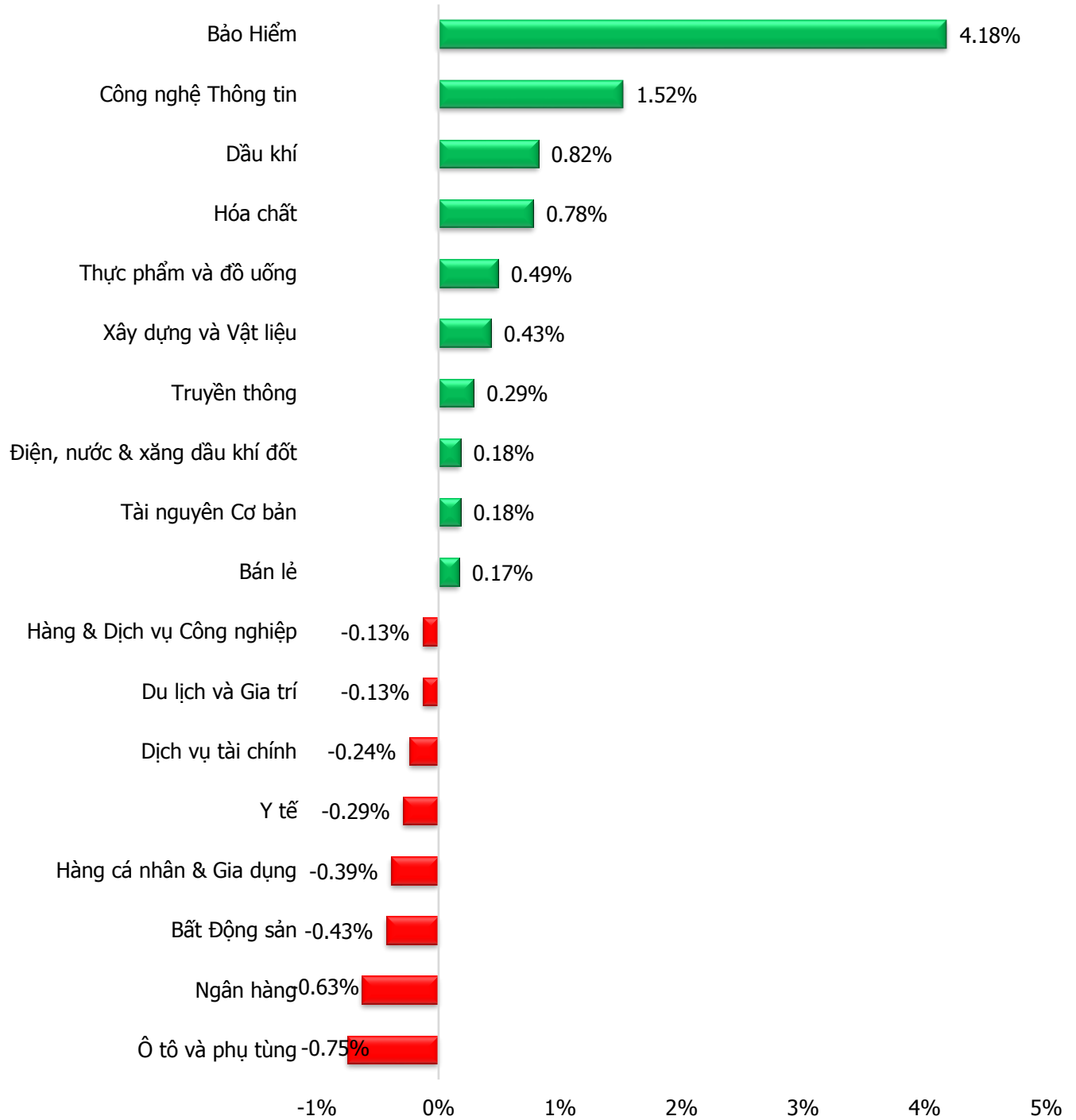
**Nhóm CP thị trường:** Nhóm cổ phiếu thị trường phân hóa, trong đó diễn biến trái ngược tại DLG, GTN, khi tăng tốt, thậm chí DLG còn kết phiên trong mức giá trần 1.460 đồng, khớp lệnh hơn 1,8 triệu đơn vị. Trong khi đó, VHG và PPI tiếp tục nằm ở mức giá sàn, trong đó VHG trắng bên mua, khớp lệnh lần lượt có 1,34 triệu và 1,2 triệu đơn vị.

**Diễn biến CP CSI:** Sau phiên đứng giá tham chiếu hôm qua thì trong phiên hôm nay CSI tăng khá tốt, tăng 1.700 đồng tương ứng với mức tăng 6,4% lên 28.100 đồng/CP với thanh khoản đạt 1.500 CP.

**KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:** Sau phiên giảm mạnh do ảnh hưởng từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, TTCK khu vực Châu Á, cũng như chứng khoán Việt Nam đã lấy lại được sự cân bằng với biên độ giao dịch khá giằng co. Trong đó cả 2 chỉ số mở cửa trong sắc xanh, nhưng quán tính của đà bán còn lớn khiến chỉ số Vn-index đóng cửa vẫn còn giảm điểm nhẹ. Phiên giao dịch hôm nay có sự trái chiều trên 2 sàn với sắc xanh khá tốt trên sàn HNX, nhưng thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp nên chưa có nhiều ý nghĩa cho thấy đà giảm đã chững lại. Ngoài ra, các chỉ báo kỹ thuật cũng đang đồng thuận nghiêng về bên bán mà chưa thấy có một dấu hiệu đáng kể nào. Rủi ro vẫn là rất lớn cho chiều hướng mua cũng như trường phái bắt đáy, thay vào đó, chúng tôi ưu tiên hành động giảm bớt tỷ trọng CP, đặc biệt là khi thị trường tăng điểm. Còn trong chiều hướng mua, chúng tôi vẫn duy trì quan điểm "Án binh bất động".

## BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

### Biến động giá theo ngành



## NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

### HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PTC	6,950	440	6.76%	10
HOT	34,500	2,150	6.65%	940
DLG	1,460	90	6.57%	1,830,800
SMA	16,800	1,000	6.33%	20
TCO	11,200	650	6.16%	40

### HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVV	700	100	16.67%	293,405
DPS	700	100	16.67%	368,100
HKB	900	100	12.50%	73,400
PPP	11,000	1,000	10.00%	800
HTC	31,900	2,900	10.00%	1,100

### HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DXV	3,200	-240	-6.98%	10
NAV	9,490	-710	-6.96%	3,580
RIC	4,690	-350	-6.94%	10
DFDC	16,100	-1,200	-6.94%	3,760
MCP	24,150	-1,800	-6.94%	40

### HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DCS	600	-100	-14.29%	1,830,462
NHP	700	-100	-12.50%	141,505
SJ1	19,000	-2,000	-9.52%	100
PCN	9,500	-1,000	-9.52%	400
STP	7,700	-800	-9.41%	100

### HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FLC	4,650	0	0.00%	7,055,010
HVG	4,500	0	0.00%	6,616,500
STB	12,100	50	0.41%	3,868,150
HQC	1,420	40	2.90%	3,767,920
PVD	19,250	700	3.77%	3,505,550

### HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	23,000	500	2.22%	5,247,253
DCS	600	-100	-14.29%	1,830,462
NDN	13,000	100	0.78%	1,203,628
IVS	9,900	-300	-2.94%	808,100
PVX	1,200	0	0.00%	642,188

### HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

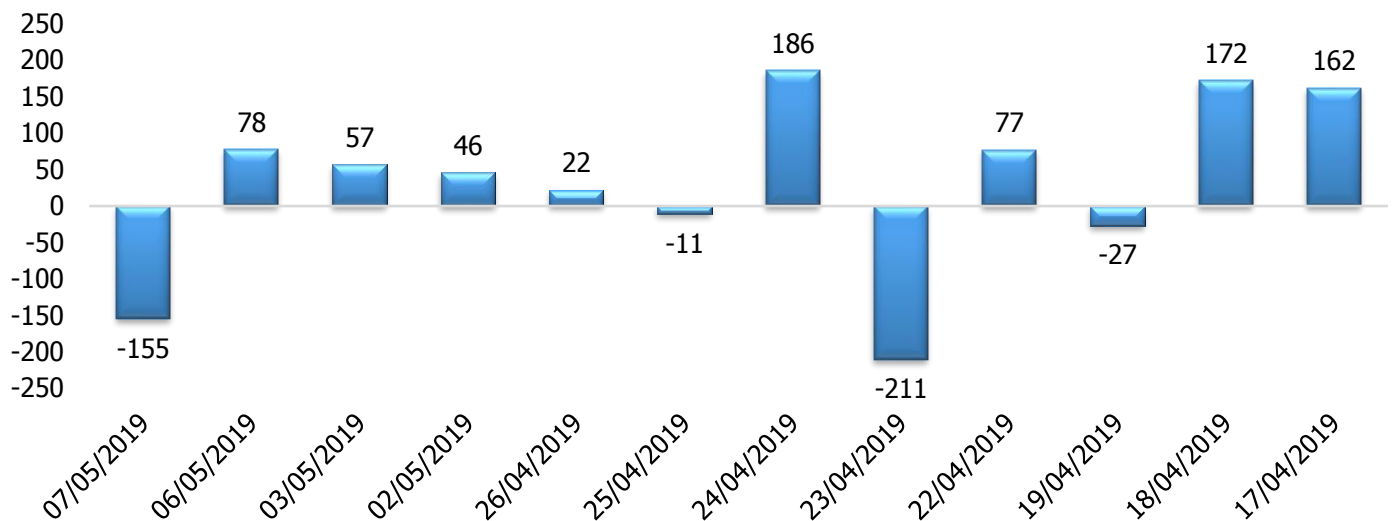
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	30,350	-150	-0.49%	10,350,440
FLC	4,650	0	0.00%	7,055,010
HVG	4,500	0	0.00%	6,616,500
STB	12,100	50	0.41%	3,868,150
HQC	1,420	40	2.90%	3,767,920

### HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

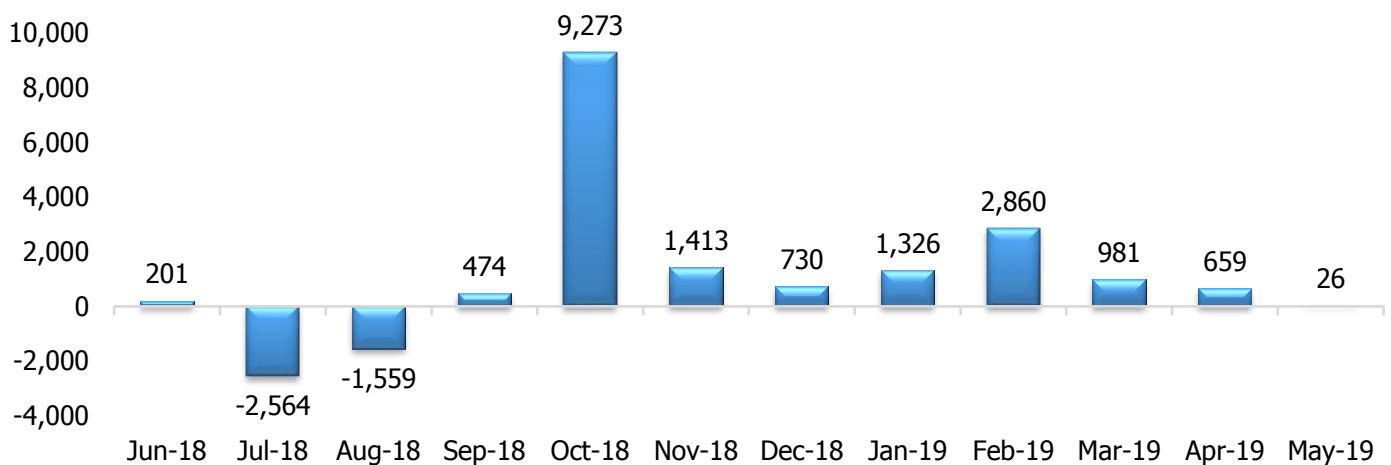
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	23,000	500	2.22%	5,247,253
SHB	7,300	0	0.00%	2,319,566
DCS	600	-100	-14.29%	1,830,462
VGC	20,700	700	3.50%	1,752,540
NDN	13,000	100	0.78%	1,203,628

## GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

**Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)**



**Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)**



### HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
FPT	78.26	VJC	115.67
STB	20.12	SSI	39.02
BVH	13.21	HDB	28.86
VNM	11.52	VCB	25.66
MSN	9.00	VIC	21.51

### HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VGC	11.27	PVS	52.95
BCC	0.85	IVS	7.87
MPT	0.68	NDN	5.87
BVS	0.10	SRA	0.56
DCS	0.06	ITQ	0.53

## DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	71,045	19,811	3,843	16.4%	26.8%	8.70	1.69	4,941,664	33,500	-13.28%
2	VNM	10.90%	224,816	16,271	5,924	28.5%	38.9%	21.79	7.93	1,046,270	129,500	-13.27%
3	ACV	9.00%	179,017	15,020	3,319	11.1%	20.3%	24.78	5.47	115,157	81,500	-4.54%
4	KDH	6.30%	12,628	16,826	1,962	5.5%	8.5%	15.54	1.81	391,707	30,500	-3.72%
5	PNJ	6.10%	17,018	24,193	6,427	18.8%	28.3%	15.85	4.21	302,041	101,600	-8.77%
6	VJC	4.70%	63,531	28,629	9,812	15.1%	45.4%	11.96	4.10	916,872	117,000	-18.22%
7	QNS	3.20%	12,236	18,739	4,106	14.7%	23.7%	10.19	2.23	288,800	41,500	3.22%
8	EIB	3.10%	21,146	12,393	404	0.9%	8.6%	42.58	1.39	4,850,736	17,100	14.67%
9	CTD	3.00%	9,127	107,381	18,125	11.2%	22.5%	6.59	1.11	183,454	119,200	-8.23%
10	PVS	2.60%	10,754	25,565	2,427	3.1%	6.0%	9.27	0.88	3,769,725	23,000	43.74%
	Tổng	62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	36,667	17,947	4,297	1.2%	21.5%	6.84	1.64	2,737,196	29,500	-22.46%
2	MWG	7.20%	37,118	22,600	7,174	12.2%	41.3%	11.68	3.71	622,673	83,900	10.08%
3	MBB	7.07%	45,438	16,338	3,029	1.4%	14.9%	7.10	1.32	5,286,395	21,450	-14.40%
4	VNM	6.27%	224,816	16,271	5,924	28.5%	38.9%	21.79	7.93	1,046,270	129,500	-13.27%
5	KDH	5.13%	12,628	16,826	1,962	5.5%	8.5%	15.54	1.81	391,707	30,500	-3.72%
6	HPG	4.04%	71,045	19,811	3,843	16.4%	26.8%	8.70	1.69	4,941,664	33,500	-13.28%
7	FPT	4.00%	30,060	21,277	4,450	11.7%	23.0%	10.95	2.29	789,053	49,700	0.10%
8	GAS	3.94%	206,515	23,050	6,543	17.5%	25.7%	16.49	4.68	562,245	108,500	17.16%
9	ACV	3.59%	179,017	15,020	3,319	11.1%	20.3%	24.78	5.47	115,157	81,500	-4.54%
10	VJC	3.37%	63,531	28,629	9,812	15.1%	45.4%	11.96	4.10	916,872	117,000	-18.22%
	Tổng	51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	45,327	14,727	2,718	2.6%	24.1%	6.79	1.25	3,352,186	18,250	-43.03%
2	MWG	13.30%	37,118	22,600	7,174	12.2%	41.3%	11.68	3.71	622,673	83,900	10.08%
3	PNJ	8.57%	17,018	24,193	6,427	18.8%	28.3%	15.85	4.21	302,041	101,600	-8.77%
4	FPT	4.88%	30,060	21,277	4,450	11.7%	23.0%	10.95	2.29	789,053	49,700	0.10%
5	MBB	4.79%	45,438	16,338	3,029	1.4%	14.9%	7.10	1.32	5,286,395	21,450	-14.40%
6	DHG	4.63%	15,402	23,014	4,726	14.3%	21.0%	24.93	5.12	275,492	116,500	22.63%
7	CTD	4.60%	9,127	107,381	18,125	11.2%	22.5%	6.59	1.11	183,454	119,200	-8.23%
8	CII	4.18%	5,821	20,062	318	-0.1%	-0.2%	73.82	1.17	1,043,469	23,500	-24.92%
9	CTI	3.52%	1,487	20,037	2,036	3.1%	9.6%	11.59	1.18	957,451	23,500	-23.87%
10	VCI	3.41%	5,426	22,191	4,261	13.6%	28.3%	7.82	1.50	196,448	31,500	-50.35%
	Tổng	62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	6.90%	358,100	17,219	1,086	1.6%	5.8%	103.35	6.52	807,561	112,600	9.05%
2	NVL	6.62%	54,456	21,090	3,720	3.7%	13.6%	15.62	2.75	1,081,990	57,000	11.73%
3	VNM	8.29%	224,816	16,271	5,924	28.5%	38.9%	21.79	7.93	1,046,270	129,500	-13.27%
4	VCB	5.44%	245,899	19,661	4,372	1.2%	20.3%	15.17	3.37	1,207,283	65,600	13.82%
5	MSN	5.47%	101,194	25,970	4,485	8.9%	26.1%	19.40	3.35	1,438,151	87,900	-4.92%
6	ROS	3.86%	17,312	10,376	327	7.6%	14.0%	93.14	2.94	5,068,681	30,350	-58.39%
7	HPG	4.89%	71,045	19,811	3,843	16.4%	26.8%	8.70	1.69	4,941,664	33,500	-13.28%
8	Mani	4.77%	101	12,705	809	6.5%	8.8%	8.28	0.53	7,806	6,700	-10.95%
9	SSI	4.16%	12,831	18,274	2,168	6.6%	14.4%	11.62	1.38	1,639,981	24,900	-24.15%
10	Eclat	4.21%	24	16,900	1,906	6.8%	9.5%	7.24	0.82	3,351	13,800	20.71%
11	BVH	3.52%	51,095	21,696	1,509	1.3%	8.4%	48.32	3.36	105,768	77,000	-15.22%
12	Synopex	2.44%	862	13,232	1,505	8.2%	9.6%	8.54	0.97	57,179	13,000	36.28%
13	SOCO	3.68%	5,534	12,082	1,243	2.7%	6.3%	11.83	1.22	5,355	15,800	25.90%
14	RMIL	2.24%	11	10,711	1,163	0.0%	0.0%	8.60	0.93	151	10,000	0.00%
15	Hansae	4.06%	1,185	11,559	732	0.0%	0.0%	11.47	0.73	6	8,400	-24.01%
16	VCG	1.85%	11,705	14,414	1,213	6.1%	16.7%	21.84	1.84	2,504,634	26,500	61.67%
17	STB	1.83%	21,734	14,125	1,241	0.4%	6.3%	9.71	0.85	4,421,814	12,100	-10.41%
18	SBT	2.31%	9,295	11,767	850	3.0%	8.0%	20.83	1.50	2,552,525	17,700	4.85%
19	TCH	2.35%	7,542	12,184	737	7.8%	8.7%	28.97	1.75	826,310	20,800	-26.34%
20	MCNEX	1.24%	20	0	-2,371	0.0%	0.0%	-2.36	0.00	0	5,600	5.66%
21	KDC	0.09%	3,877	29,489	298	-0.2%	-0.2%	63.23	0.64	85,007	19,950	-44.90%
22	DPM	1.26%	6,927	20,201	1,460	5.9%	7.8%	12.13	0.88	507,304	18,000	4.78%
23	NT2	1.23%	7,701	13,415	2,520	8.4%	18.5%	10.61	1.99	186,857	26,800	13.41%
24	HKG	0.07%	41	7,157	-2,785	10.0%	14.3%	-0.29	0.11	57,921	900	-57.89%
25	DCMI	0.19%	4,468	11,212	1,106	3.9%	7.8%	7.63	0.75	607,143	8,470	-22.22%
26	U.S.Dollar	-0.17%	436	15,192	2,543	7.3%	14.5%	5.58	0.93	5,911	14,400	14.50%
27	VRE	5.29%	81,974	12,483	1,064	5.6%	7.9%	33.10	2.82	3,319,171	35,100	-7.76%
<b>Tổng</b>		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	71,045	19,811	3,843	16.4%	26.8%	8.70	1.69	4,941,664	33,500	-13.28%
2	VIC	15.41%	358,100	17,219	1,086	1.6%	5.8%	103.35	6.52	807,561	112,600	9.05%
3	MSN	15.32%	101,194	25,970	4,485	8.9%	26.1%	19.40	3.35	1,438,151	87,900	-4.92%
4	VNM	12.55%	224,816	16,271	5,924	28.5%	38.9%	21.79	7.93	1,046,270	129,500	-13.27%
5	VCB	6.80%	245,899	19,661	4,372	1.2%	20.3%	15.17	3.37	1,207,283	65,600	13.82%
6	NVL	5.84%	54,456	21,090	3,720	3.7%	13.6%	15.62	2.75	1,081,990	57,000	11.73%
7	ROS	5.14%	17,312	10,376	327	7.6%	14.0%	93.14	2.94	5,068,681	30,350	-58.39%
8	PVS	5.10%	10,754	25,565	2,427	3.1%	6.0%	9.27	0.88	3,769,725	23,000	43.74%
9	SSI	4.08%	12,831	18,274	2,168	6.6%	14.4%	11.62	1.38	1,639,981	24,900	-24.15%
10	STB	2.88%	21,734	14,125	1,241	0.4%	6.3%	9.71	0.85	4,421,814	12,100	-10.41%
<b>Tổng</b>		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VNM	5.65%	224,816	16,271	5,924	28.5%	38.9%	21.79	7.93	1,046,270	129,500	-13.27%
2	VIC	2.76%	358,100	17,219	1,086	1.6%	5.8%	103.35	6.52	807,561	112,600	9.05%
3	MSN	1.81%	101,194	25,970	4,485	8.9%	26.1%	19.40	3.35	1,438,151	87,900	-4.92%
4	HPG	1.43%	71,045	19,811	3,843	16.4%	26.8%	8.70	1.69	4,941,664	33,500	-13.28%
5	ROS	0.63%	17,312	10,376	327	7.6%	14.0%	93.14	2.94	5,068,681	30,350	-58.39%
6	NVL	0.58%	54,456	21,090	3,720	3.7%	13.6%	15.62	2.75	1,081,990	57,000	11.73%
7	VRE	0.48%	81,974	12,483	1,064	5.6%	7.9%	33.10	2.82	3,319,171	35,100	-7.76%
8	SSI	0.45%	12,831	18,274	2,168	6.6%	14.4%	11.62	1.38	1,639,981	24,900	-24.15%
9	STB	0.32%	21,734	14,125	1,241	0.4%	6.3%	9.71	0.85	4,421,814	12,100	-10.41%
10	SAB	0.28%	154,228	25,192	6,678	22.0%	30.1%	36.02	9.55	86,711	241,600	11.48%
11	PVS	0.20%	10,754	25,565	2,427	3.1%	6.0%	9.27	0.88	3,769,725	23,000	43.74%
12	SBT	0.19%	9,295	11,767	850	3.0%	8.0%	20.83	1.50	2,552,525	17,700	4.85%
13	HSG	0.15%	3,450	12,323	222	3.1%	13.4%	36.73	0.66	3,723,187	8,150	-28.64%
14	TCH	0.14%	7,542	12,184	737	7.8%	8.7%	28.97	1.75	826,310	20,800	-26.34%
15	DPM	0.13%	6,927	20,201	1,460	5.9%	7.8%	12.13	0.88	507,304	18,000	4.78%
16	KBC	0.10%	6,342	19,422	1,336	2.8%	4.8%	10.10	0.70	2,800,758	13,750	-1.10%
<b>Tổng</b>		15.3%										

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Gía Mua cao nhất	Gía Bán cao nhất	Cắt lỗ	Gía đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
<b>Danh Mục Khuyến Nghị Mua</b>	GDT	39.4	43.7	35.9	39.40	39.00					Chờ khớp
	TTB	23.5	26.1	21.4	23.90	23.30					Chờ khớp
<b>Danh Mục Đang Nắm Giữ</b>	ELC	6.9	7.6	6.3	7.10	6.80		07/05/2019		4.4%	Nắm giữ
	ANV	26.9	29.8	24.5	28.15	26.60		06/05/2019		5.8%	Nắm giữ
	BCC	8.5	9.4	7.7	9.00	8.40		06/05/2019		7.1%	Nắm giữ
	NDN	13.1	14.6	12.0	13.00	13.00		03/05/2019		0.0%	Nắm giữ
	SAS	27.0	29.9	24.6	26.10	26.70		03/05/2019		-2.2%	Nắm giữ
	TCW	21.8	24.2	19.9	22.30	21.60		26/04/2019		3.2%	Nắm giữ
	DPG	60.5	67.1	55.1	60.70	59.90		26/04/2019		1.3%	Nắm giữ
	HT1	16.2	17.9	14.7	17.2	16.0		16/04/2019		7.5%	Nắm giữ
	C32	30.7	34.0	28.0	30.5	30.4		04/05/2019		0.3%	Nắm giữ
	TV2	132.3	146.7	120.5	143.0	131.0		04/04/2019		9.2%	Nắm giữ
	SMB	33.8	37.5	30.8	33.0	33.5		20/03/2019		-1.5%	Nắm giữ
	SFG	13.4	14.9	12.2	14.9	13.3		19/03/2019		12.0%	Nắm giữ
KHP	10.1	11.2	9.2	9.9	10.0		03/08/2019		-1.0%	Cần bán	

	PVO	4.6	5.2	4.2	4.4	4.6		03/07/2019		-4.3%	Nằm giữ
	FCM	7.3	8.1	6.7	7.3	7.3		26/02/2019		0.6%	Nằm giữ
	LTG	23.8	26.4	21.7	24.0	23.6		21/02/2019		1.7%	Nằm giữ
	OPC	46.7	51.7	42.5	49.0	46.2		25/12/2018		6.1%	Nằm giữ
Danh Mục Đã Bán	PVI	33.8	37.5	30.8	38.8	33.5	39.2	19/02/2019	04/10/2019	17.0%	Đã bán
	DHC	34.2	38.0	31.2	40.0	33.9	40.0	20/03/2019	06/05/2019	18.0%	Đã bán
	D2D	103.0	114.2	93.8	114.0	102.0	116.0	04/02/2019	18/04/2019	13.7%	Đã bán
	NTL	21.1	23.4	19.2	23.0	20.9	23.3	16/04/2019	06/05/2019	11.5%	Đã bán
	CAP	39.4	43.7	35.9	42.0	39.0	42.5	18/02/2019	19/04/2019	9.0%	Đã bán
	ACL	38.2	42.3	34.8	37.0	37.8	39.6	04/05/2019	04/10/2019	4.6%	Đã bán
	AAA	17.3	19.2	15.7	18.0	17.1	18.1	04/02/2019	18/04/2019	5.8%	Đã bán
	MSR	19.7	21.8	17.9	20.3	19.5	20.5	03/06/2019	18/04/2019	5.1%	Đã bán
	CII	24.1	26.8	22.0	24.45	23.90	24.5	28/02/2019	04/11/2019	2.5%	Đã bán
	GAS	106.6	118.2	97.1	107.9	105.5	108.5	04/09/2019	07/05/2019	2.8%	Đã bán
	IDI	8.7	9.6	7.9	8.5	8.6	8.6	12/04/2019	23/04/2019	0.0%	Đã bán
	FTS	17.2	19.0	15.6	16.70	17.00	15.0	02/05/2019	07/05/2019	-0.1%	Đã bán
	CTS	9.6	10.6	8.7	9.5	9.5	9.5	12/04/2019	07/05/2019	-0.1%	Đã bán
	BID	35.2	39.1	32.1	33.1	34.9	33.5	17/04/2019	07/05/2019	-4.0%	Đã bán
	PTB	65.7	72.8	59.8	64.0	65.0	64.2	04/09/2019	24/04/2019	-1.2%	Đã bán
	NTP	37.6	41.7	34.2	35.00	37.20	35.0	24/04/2019	06/05/2019	-5.9%	Đã bán
	TLH	5.7	6.3	5.2	5.2	5.6	5.3	18/04/2019	03/05/2019	-5.4%	Đã bán
	VCS	65.7	72.8	59.8	63.5	65.0	63.5	22/04/2019	03/05/2019	-2.3%	Đã bán
	EVE	16.5	18.3	15.0	15.3	16.3	15.6	29/03/2019	03/05/2019	-4.3%	Đã bán
	PVS	23.0	25.5	21.0	22.3	22.8	22.4	04/09/2019	19/04/2019	-1.8%	Đã bán
	ILS	15.2	16.8	13.8	14.5	15.0	14.9	04/10/2019	23/04/2019	-0.7%	Đã bán
	XPH	5.7	6.3	5.2	5.2	5.6	5.2	15/03/2019	02/05/2019	-7.1%	Đã bán
	VGG	69.2	76.7	63.0	64.3	68.5	64.5	17/04/2019	23/04/2019	-5.8%	Đã bán
	PDR	29.5	32.7	26.9	28.4	29.2	28.5	04/09/2019	19/04/2019	-2.4%	Đã bán
	RAL	89.9	99.7	81.9	83.1	89.0	85.0	22/03/2019	19/04/2019	-4.5%	Đã bán
	VEA	53.1	58.9	48.4	48.5	52.6	49.7	27/03/2019	04/09/2019	-5.5%	Đã bán
	NDN	13.6	15.1	12.4	12.8	13.5	13.0	04/05/2019	18/04/2019	-3.7%	Đã bán
	HDG	43.6	48.4	39.7	42.0	43.2	42.0	04/09/2019	18/04/2019	-2.8%	Đã bán
	DBC	24.6	27.3	22.4	22.4	24.4	22.4	04/09/2019	18/04/2019	-2.1%	Đã bán
	VPH	6.6	7.3	6.0	6.2	6.5	6.4	04/04/2019	17/04/2019	-2.3%	Đã bán
	HAG	5.7	6.3	5.2	5.2	5.6	5.3	27/03/2019	04/11/2019	-5.4%	Đã bán
	L14	42.4	47.0	38.6	39.9	42.0	40.2	04/08/2019	04/11/2019	-4.3%	Đã bán
KSB	27.9	30.9	25.4	26.7	27.6	26.7	04/08/2019	04/11/2019	-3.3%	Đã bán	
KDH	32.5	36.1	29.6	31.5	32.2	31.6	04/08/2019	04/10/2019	-1.9%	Đã bán	
CTD	139.5	154.7	127.1	130.9	138.1	128.0	03/11/2019	04/10/2019	-7.3%	Đã bán	
SHI	6.5	7.2	5.9	8.6	6.4	8.6	12/12/2018	22/02/2019	34.2%	Đã bán	
HCM	45.3	50.3	41.3	28.0	44.9	29.5	23/01/2019	25/02/2019	26.7%	Đã bán	
TTF	3.0	3.4	2.8	3.8	3.0	3.8	26/02/2019	22/03/2019	25.0%	Đã bán	
LCG	8.6	9.5	7.8	10.3	8.5	10.5	18/01/2019	14/03/2019	23.5%	Đã bán	
SLS	49.5	54.9	45.1	56.8	49.0	57.0	03/04/2019	19/03/2019	16.3%	Đã bán	

TDH	10.2	11.3	9.3	11.6	10.1	11.9	25/01/2019	22/03/2019	17.8%	Đã bán
DHA	30.7	34.0	28.0	34.2	30.4	34.5	23/11/2018	03/08/2019	13.5%	Đã bán
LGL	8.2	9.1	7.5	9.1	8.1	9.2	14/03/2019	22/03/2019	13.6%	Đã bán
GMC	42.5	47.2	38.7	47.3	42.1	47.5	14/02/2019	20/03/2019	12.8%	Đã bán
HVN	34.8	38.6	31.7	38.3	34.5	38.3	03/01/2019	20/02/2019	11.0%	Đã bán
TMS	24.3	27.0	22.2	26.5	24.1	26.5	27/12/2018	27/02/2019	10.0%	Đã bán
SHS	10.4	11.5	9.5	11.4	10.3	11.5	15/01/2019	03/01/2019	11.7%	Đã bán
INN	29.6	32.8	27.0	31.0	29.3	31.5	21/02/2019	14/03/2019	7.5%	Đã bán
HVN	39.9	44.2	36.3	41.2	39.5	41.5	28/02/2019	22/03/2019	5.1%	Đã bán
NDN	12.4	13.8	11.3	13.3	12.3	13.2	02/11/2019	22/03/2019	7.3%	Đã bán
BCC	7.2	8.0	6.5	7.8	7.1	7.9	19/02/2019	22/03/2019	11.3%	Đã bán
VIB	18.1	20.0	16.5	19.0	17.9	19.0	18/01/2019	22/03/2019	6.1%	Đã bán
VPB	19.7	21.8	17.9	21.0	19.5	21.0	17/01/2019	22/03/2019	7.7%	Đã bán
QNS	40.2	44.6	36.6	42.00	39.8	42.5	20/07/2018	03/01/2019	6.8%	Đã bán
PAN	47.0	52.1	42.8	37.7	46.5	37.7	29/01/2019	25/02/2019	6.6%	Đã bán
TLH	5.2	5.7	4.7	5.31	5.10	5.3	27/02/2019	03/08/2019	4.3%	Đã bán
PTB	59.8	66.3	54.5	60.0	59.2	62.0	28/01/2019	25/02/2019	4.7%	Đã bán
VGT	11.6	12.9	10.6	11.9	11.5	12.0	31/01/2019	22/02/2019	4.3%	Đã bán
LHG	18.8	20.8	17.1	18.9	18.6	19.5	30/01/2019	03/01/2019	4.8%	Đã bán
ACV	86.4	95.8	78.7	86.5	85.5	87.0	14/02/2019	14/03/2019	1.8%	Đã bán
RAL	84.4	93.6	76.9	85.0	83.6	86.5	19/02/2019	20/03/2019	3.5%	Đã bán

**LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: [vncs.research@vn-cs.com](mailto:vncs.research@vn-cs.com)**

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**  
Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [khanglc@vn-cs.com](mailto:khanglc@vn-cs.com)

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hương**  
Trợ lý Phân tích  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS**

**Đỗ Bảo Ngọc**  
Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu  
Email: [ngocdb@vn-cs.com](mailto:ngocdb@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp**

**Nguyễn Đức Minh**  
Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [minhnd@vn-cs.com](mailto:minhnd@vn-cs.com)

**Trần Vũ Phương Liên**  
Chuyên viên phân tích  
Email: [lientvp@vn-cs.com](mailto:lientvp@vn-cs.com)

**Vũ Thùy Dương**  
Chuyên viên phân tích  
Email: [duongvt@vn-cs.com](mailto:duongvt@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán**

**Lưu Chí Kháng**  
P.Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [khanglc@vn-cs.com](mailto:khanglc@vn-cs.com)

**Đỗ Thị Hương**  
Trợ lý Phân tích  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**Hệ Thống Khuyến Nghị:** Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

<b>Xếp hạng</b>	<b>Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại</b>
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

**TRỤ SỞ VNCS**

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: + 84 24 3926 0099  
Webiste: [www.vn-cs.com](http://www.vn-cs.com)